

78/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 212/2023/HĐ-KHĐT

Về việc: Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ nhu cầu của Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Hôm nay, ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở văn phòng Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Số tài khoản: 122 1000 0002208 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Nguyễn Hoàng Huân** Chức vụ: P.Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023 của Giám đốc công ty.

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, P.Bách Khoa, Q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428

Tài khoản số: 111000037499 - tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi trao đổi và thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung

Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin đồng ý thuê và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất đồng ý nhận Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng với khối lượng như sau:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng
1	Khoan chiều sâu từ 0m đến 100m	m	104,0
	Khối lượng thi công chính (04LK)	m	65
	Khối lượng dự phòng (03LK)	m	39
2	Làm đường mới (vùng địa hình có núi cao <300m)	km	1,0
3	Đường phục hồi	km	1,5
4	Làm nền khoan sâu từ 0 đến 100m địa hình núi cao <300m	Nền	07
	Khối lượng thi công chính	Nền	04
	Khối lượng dự phòng	Nền	03

+ Tên, tọa độ, chiều sâu dự kiến và nhiệm vụ lỗ khoan cụ thể theo phụ lục 01 kèm theo.

+ Địa điểm thi công: trong ranh giới Giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT mỏ than Uông Thượng, TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

+ Sản phẩm của Hợp đồng: Sổ ảnh mẫu lưu lõi khoan, nhật ký khoan, nhật ký địa chất thực địa, thiết đồ lỗ khoan (nguyên thủy 2) theo đúng yêu cầu kỹ thuật hiện hành.

+ Số lượng tài liệu bàn giao cho bên A: 01 bộ tài liệu + dữ liệu số

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

- Thực hiện Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng theo đúng nhiệm vụ được Công ty Than Uông Bí - TKV phê duyệt.

- Thi công các lỗ khoan đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của phương án được duyệt.

- Tỷ lệ lấy mẫu theo hiệp khoan: mẫu than $\geq 75\%$, mẫu đá $\geq 70\%$.

- Các yêu cầu khác thực hiện đúng yêu cầu của phương án phê duyệt.

Điều 3: Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện công việc: 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và đơn vị thi công được bàn giao hiện trường (không bao gồm thời gian thẩm định, nghiệm thu).

Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc yếu tố khách quan do bên thứ 3 tạo ra có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác thi công như: công tác khai thác của đơn vị khác, các chỉ đạo khác của cấp có thẩm quyền liên quan đến phương án, hai bên ký phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

Điều 4: Giá trị hợp đồng, loại hợp đồng

4.1. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT): **571.337.353 đồng**

(Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng)

Chi tiết giá trị hợp đồng tại phụ lục 01 và 02 kèm theo.

Giá trị hợp đồng trên được điều chỉnh trong trường hợp: Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng dẫn đến giá trị nghiệm thu vượt giá trị hợp đồng đã ký khi đó hai bên ký phụ lục điều chỉnh khối lượng, giá trị hợp đồng.

Giá trị thanh toán chính thức căn cứ vào khối lượng và giá trị bên B thực hiện được bên A nghiệm thu, nhưng không vượt quá khối lượng, giá trị bên A được cấp có

thẩm quyền nghiệm thu.

Khối lượng hợp đồng là tạm tính, khối lượng nghiệm thu là khối lượng bên B thực hiện thực tế được bên A xác nhận.

4.2. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Điều 5: Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán

5.1. Tạm ứng: không.

5.2. Nghiệm thu: Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 1 lần

- Bên A tiến hành nghiệm thu từng hố khoan tại hiện trường sau khi bên B thực hiện xong

- Những sai sót trong sản phẩm, Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng

- Nghiệm thu hoàn thành được tiến hành sau khi bên B thực hiện xong toàn bộ khối lượng công việc được quy định tại Điều 1 của hợp đồng. Bên A kiểm tra khối lượng công việc bên B đã thực hiện, sự phù hợp về quy cách, số lượng hồ sơ so với quy định của hợp đồng.

5.3. Thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị bên B thực hiện trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- Biên bản bàn giao tài liệu
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình;
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng
- Hóa đơn GTGT liên 2;
- Đề nghị thanh toán.

5.4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5.5. Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam.

Điều 6: Trách nhiệm của mỗi bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

Cử cán bộ theo dõi kỹ thuật, giám sát thi công.

Xác nhận, nghiệm thu khối lượng thực tế khi bên B hoàn thành công việc làm cơ sở cho nghiệm thu thanh toán.

Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo Điều 5 của hợp đồng.

6.2 Trách nhiệm của bên B:

- Chịu trách nhiệm bố trí đủ thiết bị, nhân lực để thi công ngay sau khi bên A bàn giao hiện trường thi công đảm bảo tiến độ cho đến khi công trình kết thúc và bàn giao tài liệu cho bên A.

- Thi công công trình đúng yêu cầu của phương án phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn cho người và thiết bị, về vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công. Tuân thủ các qui định của bên A tại công trường.

- Phối hợp cùng bên A tổ chức nghiệm thu tại hiện trường khi công trình kết thúc và nghiệm thu tổng thể khi hoàn chỉnh toàn bộ các tài liệu kỹ thuật kèm theo.

- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Phối hợp với bên A và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

- Có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Khi có sự cố về an toàn lao động bên B có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, khắc phục và bồi thường những thiệt hại do bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

- Chịu trách nhiệm với Bên A về các số liệu thu thập, đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình thực hiện công việc.

- Trong quá trình thi công nếu gặp vướng mắc sẽ thông báo cho bên A và cùng nhau giải quyết.

Điều 7: Thương, phạt hợp đồng

- Thương hợp đồng: Không.

- Phạt vi phạm hợp đồng:

+ Nếu bên B vi phạm tiến độ quy định tại Điều 3 thì bên B chịu phạt 0,5% giá trị của hợp đồng cho mỗi tuần chậm tiến độ nhưng tổng giá trị phạt vi phạm tiến độ không quá 5% giá trị hợp đồng.

+ Trường hợp bên B không hoàn thành các trách nhiệm theo Điều 6, hai bên sẽ lập biên bản xem xét mức độ thiệt hại cụ thể và khấu trừ vào giá trị của Hợp đồng khi thanh toán.

Điều 8: Bất khả kháng

8.1. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ, lụt, ngập úng lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch động địa tầng, mất nước trong địa tầng, địa tầng có nước phun hoặc các thủ tục liên quan đến ranh giới khu vực thi công thuộc phạm vi thực hiện của hợp đồng.

a) Bất khả kháng không bao gồm sơ xuất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp đồng này.

8.2. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng:

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp đề hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 03 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại

điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tới đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 03 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

8.3. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng:

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được bên A xem xét để thanh toán.

Điều 9: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

+ Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 10: Điều khoản cam kết

Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

Trường hợp phát sinh ngoài thoả thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung này là một phần của hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ KIẾN CÔNG TÁC KHOAN

(Kèm theo hợp đồng số: 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023)

STT	Tuyến	Tên lỗ khoan	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°			Chiều sâu dự kiến (m)	Kết quả khảo sát
			X(m)	Y(m)	Z(m)-Đh	65	
I. Khối lượng lỗ khoan thiết kế							
1	Tuyến T.5	LK01	2 337 893	404 250	183		
2	Tuyến T.2	LK02	2 338 014	404 160	185		
3	Tuyến T.3	LK03	2 337 965	404 142	182		
4	Tuyến IV	LK04	2 337 906	404 210	183,5	15	Xác định đáy kết thúc via 6 (4)
II. Khối lượng lỗ khoan Dự phòng						39	
1	Tuyến T.1	LK05	2 338 060	404 155	184	15	Xác định đáy kết thúc via 6 (4)
2	Tuyến I	LK06	2 338 067	404 068	183	12	Xác định đáy kết thúc via 6 (4)
3	Tuyến T.6	LK07	2 338 099	404 080	183	12	Xác định đáy kết thúc via 6 (4)
Tổng cộng						104	

PHỤ LỤC SỐ 02: BẢNG GIÁ TRỊ

(Kèm theo Hợp đồng số: 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023)

TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	$T = VL + NC + M$	158 075 290
1	Chi phí vật liệu	VL	VL	81 667 456
2	Chi phí nhân công	NC	$NC = NC_0 + NC_{TT}$	69 661 874
	Chi phí nhân công theo đơn giá	NC_0	NC_0	63 909 976
	Chi phí nhân công tăng/giảm thêm	NC_{TT}	NC_{TT}	5 751 898
3	Chi phí máy thi công	M	M	6 745 960
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$C = C_0$	31 573 242
	Chi phí chung theo đơn giá	C_0	C_0	30 464 720
	Chi phí chung tăng/giảm thêm	C_T	$C_T = NC_{TT} \times (C_0 / T)$	1 108 522
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$TL = (T + C) \times 5,5\%$	10 430 669
IV	CÁC CÔNG TÁC KHÁC	K		347 537 685
1	Các công trình tạm thời			347 537 685
IV	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	G_{TT}	$G_{TT} = T + C + TL$	547 616 887
	Tiết giảm chi phí (5%)	G_{GG}		27 380 844
V	Giá trị sau tiết giảm	G_{TTGG}	$G_{TTGG} = G_{TT} - G_{GG}$	520 236 043
VI	THUẾ GTGT	T_{GTGT}	$T_{GTGT} = G_{TTGG} \times 8\%$	41 618 883
VII	DỰ PHÒNG	D	$(T + C) \times 5\%$	9 482 427
VIII	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG SAU THUẾ	G_{ST}	$G_{ST} = G_{TTGG} + T_{GTGT} + D$	571 337 353

PHỤ LỤC 02.1.BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN

Bảng 2

TT	Mã Hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá, đồng				Hệ số TT	Thành tiền, đồng				Phụ cấp khu vực (0,4)		
					VL	NC	MTC	CP chung		VL	NC	MTC	CP chung	HS	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=5*6*10	12=5*7*10	13=5*8*10	14=5*9*10	15=HS.1	16=12*14	
A		Thi công phương án								81 667 456	63 909 976	6 745 960	30 464 720		5 751 898	
	1	Công tác khoan														
	B.111001	CS lỗ khoan từ 0m đến 100m														
		Khối lượng thi công chính	mét	65	785 264	614 519	64 865	292 930	1,0	51 042 160	39 943 735	4 216 225	19 040 450	0,09		3 594 936
		Khối lượng dự phòng	mét	39	785 264	614 519	64 865	292 930	1,0	30 625 296	23 966 241	2 529 735	11 424 270	0,09		2 156 962
B		Các công trình tạm thời									136 300 069	143 092 162	55 878 448			12 267 006
	B.321020	- Làm đường mới (Vùng địa hình có núi cao<300m)	km	1,00		45 684 884	56 115 839	20 360 145	0,98		44 771 186	54 993 522	19 952 942	0,09		4 029 407
	B.322000	- Đường phục hồi	km	1,50		21 300 927	26 164 440	9 493 074	0,98		31 312 363	38 461 727	13 954 819	0,09		2 818 113
	B.312010	- Làm nền Khoan sâu từ 0 đến 100m, địa hình núi cao <300m														
		Khối lượng thi công chính	nền	4,00		8 676 732	7 152 293	3 165 805	1,00		34 706 928	28 609 172	12 663 220	0,09		3 123 624
		Khối lượng dự phòng	nền	3,00		8 676 732	7 152 293	3 165 805	0,98		25 509 592	21 027 741	9 307 467	0,09		2 295 863

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....000.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023 và Phụ lục số 01 ngày 16/11/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất về việc thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng;

- Căn cứ biên bản biên bản nghiệm thu khối lượng ngày hoàn thành ngày 25/11/2023 và biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 29/12/2023;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 - Fax : 024.62842546

Số tài khoản : 122 1000 0002208 (hoặc 122 000 2208) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Mã số thuế : 0101919181

Người đại diện: Ông **Nguyễn Hoàng Huân** Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy UQ số : 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023 của Giám đốc Công ty

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 - Fax :

Tài khoản số : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Hai bên cùng nhau thống nhất thanh lý hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

- Bên B đã thực hiện công việc: thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng cho Bên A theo đúng nội dung yêu cầu của hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.
- Hồ sơ đã được bên A nghiệm thu tại biên bản nghiệm thu khối lượng ngày hoàn thành ngày 25/11/2023 và biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 29/12/2023.

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 692.578.824 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị thực hiện: 598.855.046 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng
- Giá trị còn lại phải thanh toán: **598.855.046 đồng**

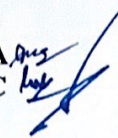
(Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, bốn mươi sáu đồng).

Bên A thanh toán cho bên B giá trị của hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng, bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

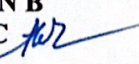

Điều 3. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã ghi trong biên bản này và thống nhất thanh lý hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC 

Trần Đình Kiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH
Về việc thực hiện hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023

I. Căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023 và Phụ lục số 01 ngày 16/11/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất về việc thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 25/11/2023.

II. Thời gian, địa điểm, đối tượng nghiệm thu

- Thời gian, địa điểm

+ Bắt đầu: 9 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023.

+ Kết thúc: 11 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023.

+ Địa điểm: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin.

- Đối tượng nghiệm thu: Tài liệu thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/8/2009 mỏ than Uông Thượng theo hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023 do Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- Ông Nguyễn Hoàng Huân	Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Vũ Anh Tuấn	Chức vụ: TP. ĐC
- Ông: Nguyễn Trường Chinh	Chức vụ: TP. TCKT
- Ông Nguyễn Văn Minh	Chức vụ: TP. KHĐT
- Ông Vũ Đức Hai	Chức vụ: CNCT

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Ông Trần Đình Kiên	Chức vụ: Giám đốc
----------------------	-------------------

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành: đã được bên A nghiệm thu tại biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 25 tháng 11 năm 2023.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 692.578.824 đồng (đã bao gồm VAT 8%)

- Giá trị thực hiện: 598.855.046 đồng (đã bao gồm VAT 8%)

(Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, bốn mươi sáu đồng).

Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu giá trị hoàn thành công việc do bên B thực hiện theo Hợp đồng số 212/2023/HĐ-KHĐT ngày 18/7/2023.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



Nguyễn Hoàng Huân



Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC SỐ 02: BẢNG GIÁ TRỊ

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 29/12/2023)

TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	$T = VL + NC + M$	212 033 682
1	Chi phí vật liệu	VL	VL	109 544 328
2	Chi phí nhân công	NC	$NC = NC_0 + NC_{TT}$	93 440 687
	Chi phí nhân công theo đơn giá	NC_0	NC_0	85 725 401
	Chi phí nhân công tăng/giảm thêm	NC_{TT}	NC_{TT}	7 715 286
3	Chi phí máy thi công	M	M	9 048 668
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$C = C_0$	42 350 647
	Chi phí chung theo đơn giá	C_0	C_0	40 863 735
	Chi phí chung tăng/giảm thêm	C_T	$C_T = NC_{TT} \times (C_0 / T)$	1 486 912
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$TL = (T + C) \times 5,5\%$	13 991 138
IV	CÁC CÔNG TÁC KHÁC	K		315 303 915
1	<i>Các công trình tạm thời</i>			315 303 915
V	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	G_{TT}	$G_{TT} = T + C + TL$	583 679 382
	Tiết giảm chi phí (5%)	G_{GG}		29 183 969
	Giá trị sau tiết giảm	G_{TTGG}	$G_{TTGG} = G_{TT} - G_{GG}$	554 495 413
VI	THUẾ GTGT	T_{GTGT}	$T_{GTGT} = G_{TTGG} \times 8\%$	44 359 633
VII	GIÁ TRỊ NGHIỆM THU SAU THUẾ	G_{ST}	$G_{ST} = G_{TTGG} + T_{GTGT} + D$	598 855 046

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ KIẾN CÔNG TÁC KHOAN

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 29/12/2023)

STT	Tuyến	Tên lỗ khoan	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°			Chiều sâu dự kiến (m)	Kết quả khảo sát
			X(m)	Y(m)	Z(m)-Đh		
1	Tuyến T.5	LK01	2 337 892	404 250	191,76	25	Khoan xiên 15 độ, PV 223 độ. Xác định vĩa 6 (4)
2	Tuyến P.8	LK02	2 337 858	404 241	194,632	29	Xác định vĩa 6 (4)
3	Tuyến P.3	LK03	2 337 958	404 178	190,243	20	Khoan xiên 15 độ, PV 265 độ. Xác định đáy kết thúc vĩa 6 (4)
4	Tuyến IV	LK04	2 337 894	404 206	190,023	5	Khoan xiên 15 độ, PV 205 độ. Xác định đáy kết thúc vĩa 6 (4)
5	Tuyến P.8	LK05	2 337 868	404 246	190,448	24	Khoan xiên 15 độ, PV 225 độ. Xác định vĩa 6 (4)
6	Tuyến P.5	LK06	2 337 898	404 255	192,072	20	Xác định đáy kết thúc vĩa 6 (4)
7	Tuyến P.7	LK07	2 337 787	404 110	181,946	9	Khoan xác định vĩa 7B
8	Tuyến P.7	LK08	2 337 768	404 138	182,001	7,5	Khoan xác định vĩa 7B
Tổng cộng						139,5	

PHỤ LỤC 02.1.BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN

Bảng 2

TT	Mã Hiệu	Nội dung công việc	DVT	Khối lượng	Đơn giá, đồng				Hệ số TT	Thành tiền, đồng				Phụ cấp khu vực (0,4)	
					VL	NC	MTC	CP chung		VL	NC	MTC	CP chung	HS	TT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=5*6*10	12=3*7*10	13=5*8*10	14=5*9*10	15=HS*1	16=12*14
A		Thi công phương án								109 544 328	85 725 401	9 048 668	40 863 735		7 715 286
	1	Công tác khoan													
	B.111001	CS lỗ khoan từ 0m đến 100m	mét	139,5	785 264	614 519	64 865	292 930	1,0	109 544 328	85 725 401	9 048 668	40 863 735	0,09	7 715 286
B		Các công trình tạm thời									126 251 288	127 033 126	50 656 884		11 362 616
	B.321020	- Làm đường mới (Vùng hình có núi cao<300m)	km	0,71		45 684 884	56 115 839	20 360 145	0,98		31 787 542	39 045 401	14 166 589	0,09	2 860 879
	B.322000	- Đường phục hồi	km	1,20		21 300 927	26 164 440	9 493 074	0,98		25 049 890	30 769 381	11 163 855	0,09	2 254 490
	B.312010	- Làm nền Khoan sâu từ 0 đến 100m, địa hình núi cao <300m	nền	8,00		8 676 732	7 152 293	3 165 805	1,00		69 413 856	57 218 344	25 326 440	0,09	6 247 247

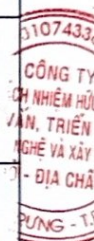
BIÊN BẢN XÁC NHẬN

**CÁN BỘ THAM GIA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SẢN XUẤT NĂM 2023-2024
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Giá trị thực hiện	Ngày quyết toán	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	T/h một phần công việc Lập PAKT, Phương án thi công thuộc PA thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2793/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Khe Châm III, TP Cẩm Phả, T Quảng Ninh	110/2019/HĐ-KHĐT (78/2019-CODECO)	30/10/2019	431.963.522	34.688.622	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
2	Đo đạc, khảo sát, quan trắc lưu lượng nước trên mặt, chỉnh lý bản đồ địa chất thủy văn mỏ: quét, số hóa các bản vẽ thuộc công trình: quan trắc địa chất thủy văn mỏ Bình Minh, đánh giá mối quan hệ giữa nước mặt và nước hầm lò	178/2022/HĐ-KHĐT (94/2022-CODECO)	22/07/2022	237.787.359	237.787.359	17/10/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
3	Thực hiện một phần công việc vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động TKV năm 2023	01/2023/HĐ-KHĐT (121/2023-CODECO)	03/01/2023	217.330.439	213.378.976	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
4	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	23/2023/HĐ-KHĐT (116/2023-CODECO)	05/01/2023	98.604.000	96.811.200	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
5	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu - Vinacomin	24/2023/HĐ-KHĐT (48/2023-CODECO)	05/01/2023	146.173.500	71.757.900	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh
6	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường định kỳ (Khu khai trường Cao Sơn) và quan trắc môi trường các trạm xử lý nước thải sinh hoạt và Hệ thống khai thác nước mặt từ Moong lộ via 21 Khe Châm Công ty CP than Cao Sơn -TKV năm 2023	42/2023/HĐ-KHĐT (117/2023-CODECO)	17/02/2023	141.234.500	138.666.600	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền



7	Thực hiện một phần công việc quan trắc môi trường mỏ than Đèo Nai năm 2023, công ty Cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin	53/2023/HĐ-KHĐT (120/2023-CODECO)	01/03/2023	52.442.500	51.489.000	20/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
8	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	56/2023/HĐ-KHĐT (49/2023-CODECO)	03/03/2023	63.481.000	31.163.400	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
9	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	65/2023/HĐ-KHĐT (118/2023-CODECO)	14/03/2023	103.158.000	101.282.400	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh
10	Lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty than Mông Dương - Vinacomin	71/2023/HĐ-KHĐT (60/2023-CODECO)	20/03/2023	175.793.181	161.174.376	27/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
11	Thực hiện Quan trắc lún, quan trắc chuyển dịch ngang và quan trắc thấm. Hạng mục công trình: Đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1 giai đoạn 2 và đập hồ Cầu tư năm 2023 - Chu kỳ 2	97/2023/HĐ-KHĐT (68/2023-CODECO)	05/04/2023	263.331.745	258.543.895	06/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
12	Thực hiện một phần công việc lập báo cáo tổng hợp chính lý tài liệu địa chất phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ Đồng Vông	134/2023/HĐ-KHĐT (62/2023-CODECO)	11/05/2023	130.188.856	127.821.785	28/11/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
13	Thi công Quan trắc dịch động các mái taluy khu vực Quang Lật Cánh Gà, Trạm Quạt +139 TVD, +215 Cánh Gà và khu vực địa hình phía trên lò chợ cơ giới hóa CI-8-5 - Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin năm 2023	176/2023/HĐ-KHĐT (70/2023-CODECO)	15/06/2023	516.123.170	506.739.113	26/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
14	Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/08/2009 mỏ than Uông Thượng	212/2023/HĐ-KHĐT (78/2023-CODECO)	18/07/2023	571.337.353	598.855.046	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
15	Thực hiện một phần công việc Lập Báo cáo tổng hợp tài liệu, tính trữ lượng phục vụ quyết toán tài nguyên giấy phép khai thác số 2789/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 và giấy phép khai thác số 141/GP-BTNMT ngày 01/02/2013 mỏ than Vàng Danh	271/2022/HĐ-KHĐT (109/2022-CODECO)	21/12/2022	131.397.035	129.007.998	26/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh



16	Đo vẽ, chỉnh lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1/5.000 diện tích 6,22km ² (vùng có phụ cấp KV 0,1) thuộc CT: thi công Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi được phép khai thác mỏ than Khe Châm II-IV thuộc P Mông Dương, TP Cẩm Phả, t Quảng Ninh theo GP khai thác số 248/GP-BTNMT ngày 07/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	290/2023/HĐ-KHĐT (101/2023-CODECO)	24/10/2023	625.543.047	625.543.047	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
17	Lập phương án kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) - dự toán đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi giấy phép khai thác số 248/GP-TNMT ngày 07/10/2022 mỏ Khe Châm II-IV Công ty Than Ha Long - TKV	91/2023/HĐ-KHĐT (61/2023-CODECO)	28/03/2023	860.369.231	272.859.054	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Thị Vân Anh Lê Thị Ngọc Tú

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY *Auy*



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan

